

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG MÔ HÌNH CÂU LẠC BỘ THỂ DỤC THỂ THAO CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Nguyễn Thị Thu Hiền

Trường Đại học Hải Dương

Email: hienguyencdhd@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu xây dựng mô hình Câu lạc bộ Thể dục Thể thao cho sinh viên Trường Đại học Hải Dương cho thấy cơ sở vật chất, đội ngũ hướng dẫn và sự tham gia tích cực của sinh viên là những yếu tố then chốt ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động Câu lạc bộ. Mô hình đề xuất dựa trên nguyên tắc tự nguyện, tự quản, phù hợp thực tiễn, đảm bảo tính giáo dục và bền vững. Thực nghiệm cho thấy sinh viên tăng đáng kể mức độ tham gia, hứng thú, cảm nhận lợi ích sức khỏe và mong muốn duy trì hoạt động Câu lạc bộ. Mô hình cũng nhận được sự đồng thuận cao từ sinh viên, giảng viên và cán bộ quản lý và góp phần nâng cao thể lực, kỹ năng xã hội, tinh thần đoàn kết và tạo môi trường rèn luyện toàn diện, đồng thời hỗ trợ mục tiêu giáo dục thể chất tại Trường Đại học Hải Dương.

Từ khóa: Thể thao sinh viên; câu lạc bộ thể thao sinh viên.

Abstract: The study on developing a Sports Club model for students at Hai Duong University shows that facilities, coaching staff, and active student participation are key factors affecting the effectiveness of club activities. The proposed model is based on principles of voluntariness, self-management, practical feasibility, educational value, and sustainability. Experimental results indicate significant increases in student participation, engagement, perceived health benefits, and willingness to continue club activities. The model also received high consensus from students, lecturers, and administrators, contributing to improved physical fitness, social skills, team spirit, and a comprehensive training environment, while supporting the objectives of physical education at Hai Duong University.

Keywords: Student sports; student sports clubs.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Cái quý giá nhất của con người là sức khỏe và trí tuệ. Sức khỏe tốt là nền tảng cho trí tuệ phát triển, còn trí tuệ minh mẫn giúp con người rèn luyện sức khỏe một cách khoa học và hiệu quả. Thể dục thể thao (TDTT) giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao thể lực, giúp con người học tập, làm việc hiệu quả, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hình thành những cá nhân có ích cho cộng đồng.

Ở các nước phát triển, tập luyện TDTT được xem là nhu cầu thiết yếu, được tổ chức khoa học và duy trì thường xuyên. Tại Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa Giáo dục thể chất (GDTC) vào chương trình chính khóa từ Tiểu học đến Đại học, nhằm giúp học sinh, sinh viên (SV) rèn luyện sức khỏe, phát triển toàn diện về thể chất – tinh thần và hình thành lối sống lành mạnh.

Trong những năm gần đây, giáo dục đại học đã có nhiều đổi mới, song việc chú trọng phát triển thể lực và thể trạng SV vẫn còn hạn chế. Trường Đại học Hải Dương – cơ sở đào tạo

đa ngành của khu vực Đồng bằng sông Hồng – đã quan tâm đến công tác GDTC, từng bước cải thiện cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị và phương pháp giảng dạy. Tuy nhiên, hoạt động TDTT trong trường vẫn chưa đáp ứng đầy đủ mục tiêu đào tạo toàn diện.

Do đó, việc nghiên cứu và xây dựng mô hình Câu lạc bộ TDTT cho SV là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn. Mô hình này tạo sân chơi lành mạnh, giúp SV rèn luyện sức khỏe, giải tỏa căng thẳng, phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao, đồng thời hạn chế các thói quen tiêu cực như nghiện game hay lạm dụng mạng xã hội. Qua đó, góp phần xây dựng môi trường học đường năng động, tích cực và lành mạnh hơn.

Các phương pháp sử dụng khi nghiên cứu bao gồm: Đọc và phân tích tài liệu; Phỏng vấn tọa đàm; Phương pháp sư phạm; Phương pháp kiểm tra sư phạm và phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thực trạng hoạt động TDTT của SV Trường Đại học Hải Dương

1.1. Thực trạng nhu cầu và hình thức tham gia tập luyện:

Hoạt động TDTT trong SV Trường Đại học Hải Dương hiện nay chủ yếu tập trung trong các giờ học GDTC chính khóa và một số hoạt động ngoại khóa do Đoàn – Hội hoặc Câu lạc bộ (CLB) tự phát tổ chức. Để đánh giá thực trạng này, nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát 300 SV thuộc các khoa khác nhau của trường bằng phiếu hỏi và phỏng vấn trực tiếp.

Bảng 1. Thực trạng tham gia hoạt động TDTT của SV Trường Đại học Hải Dương (n = 300)

| Nội dung khảo sát | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|--|------------------|-----------|
| 1. Mức độ tham gia tập luyện TDTT | | |
| - Tập luyện thường xuyên (≥ 3 buổi/tuần) | 78 | 26,0 |
| - Tập luyện không thường xuyên (1–2 buổi/tuần) | 132 | 44,0 |
| - Hầu như không tập luyện | 90 | 30,0 |
| 2. Động cơ tham gia TDTT | | |
| - Nâng cao sức khỏe | 180 | 60,0 |
| - Giao lưu, giải trí | 78 | 26,0 |
| - Rèn luyện chuyên môn, thi đấu | 42 | 14,0 |
| 3. Hình thức tham gia phổ biến | | |
| - Tập tự do cá nhân | 114 | 38,0 |
| - Tham gia CLB TDTT của trường | 69 | 23,0 |
| - Tham gia đội tuyển khoa/lớp | 51 | 17,0 |
| - Không tham gia hoạt động nào | 66 | 22,0 |
| 4. Mức độ hài lòng về cơ sở vật chất TDTT | | |
| - Tốt | 36 | 12,0 |
| - Trung bình | 138 | 46,0 |
| - Chưa đáp ứng | 126 | 42,0 |

Kết quả khảo sát tại bảng 1 cho thấy tỷ lệ SV tập luyện TDTT thường xuyên chỉ chiếm 26%, trong khi có tới 30% SV hầu như không tham gia hoạt động thể thao nào, phản ánh thực trạng phong trào TDTT trong SV còn hạn chế.

Động cơ tham gia chủ yếu là nâng cao sức khỏe (60%), trong khi số SV có nhu cầu rèn luyện để thi đấu chỉ chiếm 14%, cho thấy tính phong trào, tự phát còn cao và thiếu định hướng chuyên sâu.

Về hình thức tổ chức, tập tự do cá nhân chiếm tỷ lệ cao nhất (38%), trong khi chỉ 23% SV tham gia các CLB TDTT chính thức, chứng tỏ mô hình CLB hiện nay chưa thực sự thu hút được đông đảo SV.

Đáng chú ý, mức độ hài lòng về cơ sở vật chất TDTT còn thấp, với chỉ 12% SV đánh giá tốt, trong khi 42% cho rằng cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng duy trì và mở rộng phong trào TDTT trong nhà trường.

Kết quả trên có thể thấy, việc xây dựng và phát triển mô hình CLB TDTT chính quy, có tổ chức và định hướng rõ ràng là hết sức cần thiết nhằm khắc phục hạn chế hiện nay, tạo môi trường rèn luyện lành mạnh, nâng cao thể chất và tinh thần cho SV.

1.2. Thực trạng cơ sở vật chất và đội ngũ hướng dẫn

Cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên, huấn luyện viên đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển phong trào TDTT trong trường học. Để đánh giá thực trạng tại Trường Đại học Hải Dương, nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát ý kiến của 18 cán bộ, giảng viên bộ môn GDTC và 300 SV về điều kiện sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ TDTT và đội ngũ hướng dẫn.

Bảng 2. Thực trạng cơ sở vật chất và đội ngũ hướng dẫn TDTT tại Trường Đại học Hải Dương

| Nội dung đánh giá | Thực trạng | Đạt yêu cầu (%) | Chưa đạt yêu cầu (%) |
|--|--|-----------------|----------------------|
| 1. Sân bãi tập luyện | Có sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng rổ ngoài trời; chưa có nhà tập đa năng | 58,0 | 42,0 |
| 2. Trang thiết bị, dụng cụ TDTT | Có nhưng thiếu đồng bộ, một số dụng cụ cũ, chưa đủ cho số lượng SV | 54,0 | 46,0 |
| 3. Phòng tập thể lực (gym) | Diện tích nhỏ, ít thiết bị, chủ yếu dùng cho huấn luyện đội tuyển | 40,0 | 60,0 |
| 4. Thiết bị hỗ trợ giảng dạy (máy chiếu, mô phỏng kỹ thuật, dụng cụ đo kiểm tra) | Có nhưng chưa thường xuyên được sử dụng | 46,0 | 54,0 |
| 5. Số lượng giảng viên GDTC | 05 giảng viên cơ hữu, 02 giảng viên thỉnh giảng | - | - |
| 6. Trình độ chuyên môn giảng viên | 100% có trình độ đại học trở lên, trong đó 02 thạc sĩ, 3 TS | 100,0 | 0,0 |
| 7. Hoạt động huấn luyện viên, hướng dẫn CLB ngoại khóa | Mới triển khai ở 4/8 CLB, hoạt động chưa thường xuyên | 50,0 | 50,0 |
| 8. Mức độ hài lòng của sinh viên về điều kiện tập luyện | 12% hài lòng, 56% trung bình, 32% chưa hài lòng | - | - |

Kết quả cho thấy cơ sở vật chất phục vụ TDTT của Trường Đại học Hải Dương đang ở mức trung bình, trong đó 42–60% nội dung được đánh giá “chưa đạt yêu cầu”. Dù trường đã

có hệ thống sân bãi cơ bản (bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông), nhưng thiếu nhà tập đa năng và phòng tập thể lực đủ tiêu chuẩn, gây hạn chế trong việc tổ chức các lớp học và CLB khi thời tiết không thuận lợi.

Về trang thiết bị, dụng cụ TDDT, phần lớn còn thiếu và chưa được đồng bộ, ảnh hưởng đến việc tổ chức kiểm tra, thi đấu và giảng dạy kỹ thuật.

1.3. Đánh giá của chuyên gia và sinh viên

Để xác định mức độ cần thiết và khả thi của việc xây dựng mô hình CLB TDDT trong SV Trường Đại học Hải Dương, nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 18 chuyên gia và giảng viên bộ môn GDTC, cùng 300 SV thuộc các khoa trong trường. Nội dung khảo sát tập trung vào hai khía cạnh: (1) Mức độ cần thiết của việc thành lập CLB TDDT, và (2) Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động CLB trong môi trường đại học.

Bảng 3. Mức độ cần thiết của việc xây dựng CLB TDDT trong SV Trường Đại học Hải Dương

| Đối tượng khảo sát | Tổng | Rất cần thiết | | Cần thiết | | Bình thường | | Không cần thiết | |
|------------------------|------|---------------|------|-----------|------|-------------|-----|-----------------|-----|
| | | n | % | n | % | n | % | n | % |
| Chuyên gia, giảng viên | 18 | 14 | 77,8 | 4 | 22,2 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |
| Sinh viên | 300 | 205 | 68,3 | 74 | 24,7 | 19 | 6,3 | 2 | 0,7 |

Kết quả cho thấy đa số người được hỏi đều đánh giá việc xây dựng CLB TDDT là cần thiết hoặc rất cần thiết. Trong đó, 100% chuyên gia, giảng viên và 93% SV (205 rất cần thiết, 74 cần thiết) đồng thuận với chủ trương này. Tỷ lệ đánh giá “bình thường” và “không cần thiết” chỉ chiếm dưới 7%, cho thấy sự đồng thuận cao giữa các nhóm khảo sát về tính cấp thiết của việc hình thành và phát triển CLB TDDT trong Trường Đại học Hải Dương.

Bảng 4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động CLB TDDT (xếp theo mức độ quan trọng)

| Yếu tố ảnh hưởng | Chuyên gia (n = 18) | | Sinh viên (n = 300) | | Mức độ ảnh hưởng chung (n = 318) | |
|--|---------------------|-------|---------------------|-------|----------------------------------|-------|
| | n | % | n | % | n | % |
| Cơ sở vật chất, trang thiết bị | 16 | 88,90 | 248 | 82,70 | 264 | 83,00 |
| Đội ngũ hướng dẫn, huấn luyện viên | 15 | 83,30 | 237 | 79,00 | 252 | 79,20 |
| Kinh phí hoạt động, hỗ trợ từ nhà trường | 13 | 72,20 | 228 | 76,00 | 241 | 75,80 |
| Sự tham gia tích cực của sinh viên | 12 | 66,70 | 244 | 81,30 | 256 | 80,50 |
| Cơ chế tổ chức, quản lý CLB | 11 | 61,10 | 195 | 65,00 | 206 | 64,80 |
| Thời gian và lịch học của sinh viên | 10 | 55,60 | 186 | 62,00 | 196 | 61,60 |
| Công tác truyền thông, tuyên truyền phong trào | 9 | 50,00 | 179 | 59,70 | 188 | 59,10 |

Kết quả khảo sát cho thấy cơ sở vật chất và trang thiết bị là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến hiệu quả hoạt động của các CLB TDDT tại Trường Đại học Hải Dương, với 83% người tham gia đồng thuận. Tiếp đến là sự tham gia tích cực của SV (80,5%) và đội ngũ hướng dẫn, huấn luyện viên (79,2%), khẳng định vai trò quan trọng của yếu tố con người trong phát triển phong trào thể thao. Các yếu tố như cơ chế quản lý, thời gian học tập và công tác truyền thông tuy có ảnh hưởng nhưng ở mức thấp hơn, cho thấy nhà trường cần tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và đẩy mạnh tổ chức, quảng bá hoạt động TDDT để nâng cao hiệu quả các CLB.

2. Xây dựng mô hình Câu lạc bộ Thể dục Thể thao cho sinh viên

2.1. Cơ sở lý luận và nguyên tắc xây dựng mô hình

Mô hình CLB TDTT cho SV Trường Đại học Hải Dương được xây dựng theo quan điểm GDTC toàn diện, kết hợp tự quản của sinh viên và hỗ trợ chuyên môn từ nhà trường, nhằm phát triển hài hòa thể lực – trí lực – nhân cách và đảm bảo hiệu quả lâu dài. Mô hình linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý, quỹ thời gian, cơ sở vật chất và nhu cầu thể thao của SV. Nguyên tắc chính:

- Tự nguyện: SV chủ động tham gia theo sở thích.
- Tự quản: CLB do sinh viên điều hành dưới hướng dẫn giảng viên.
- Phù hợp thực tiễn: đáp ứng cơ sở vật chất và lịch học.
- Giáo dục: rèn luyện nhân cách, tinh thần đoàn kết, lối sống lành mạnh.
- Bền vững: duy trì ổn định, thu hút sinh viên tham gia.

Mục tiêu là nâng cao thể chất, tinh thần và chất lượng giáo dục toàn diện cho SV.

2.2. Cấu trúc mô hình CLB TDTT đề xuất

Dựa trên kết quả khảo sát thực tiễn và ý kiến chuyên gia, mô hình CLB TDTT cho SV Trường Đại học Hải Dương được xây dựng theo hướng tự quản – phối hợp – bền vững, đảm bảo phát huy vai trò chủ động của SV và sự hỗ trợ hiệu quả từ nhà trường.

a. Mô hình tổ chức

Mô hình CLB TDTT được tổ chức theo 4 bộ phận chức năng chính và được trình bày ở bảng 5 dưới đây:

Bảng 5. Cấu trúc mô hình Câu lạc bộ TDTT

| Cấu trúc tổ chức | Thành phần | Chức năng, nhiệm vụ chính |
|-------------------|--|--|
| Ban chủ nhiệm CLB | Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm, Thư ký | Quản lý chung hoạt động CLB; xây dựng kế hoạch, điều hành, liên hệ với nhà trường và các tổ chức liên quan. |
| Ban chuyên môn | Giảng viên, huấn luyện viên, sinh viên có chuyên môn | Hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức tập luyện, đánh giá trình độ và hỗ trợ chuyên môn các nhóm bộ môn. |
| Nhóm phong trào | Sinh viên các lớp, thành viên tích cực | Tổ chức, vận động sinh viên tham gia các hoạt động thể thao, giải thi đấu, phong trào “Mỗi sinh viên chọn một môn thể thao”. |
| Nhóm truyền thông | Sinh viên năng động, có kỹ năng truyền thông | Quảng bá hoạt động CLB, đưa tin sự kiện, xây dựng hình ảnh và duy trì tương tác qua mạng xã hội, fanpage CLB. |

b. Nội dung hoạt động của CLB: Hoạt động của CLB TDTT được triển khai thường xuyên, có tính hệ thống và phong phú, bao gồm:

- Luyện tập định kỳ theo từng bộ môn như: bóng đá, bóng rổ, cầu lông, bóng chuyền, yoga, thể hình...

- Tổ chức các giải thể thao SV theo học kỳ hoặc năm học, tạo sân chơi lành mạnh và cơ hội cọ xát cho SV.

- Sinh hoạt ngoại khóa, giao lưu liên trường, mời các CLB thể thao các trường bạn cùng tham gia.

- Hoạt động tuyên truyền – truyền thông về lợi ích rèn luyện TDTT, phát triển phong trào “Sinh viên khỏe – năng động – sáng tạo”.

c. Cơ chế quản lý và vận hành

- Phối hợp quản lý: CLB hoạt động dưới sự phối hợp giữa Khoa GDTC và Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên, đảm bảo tính định hướng, giáo dục và phong trào.

- Quy chế hoạt động: Mỗi CLB có quy chế riêng về tài chính, hội viên, khen thưởng – kỷ luật và quy trình duy trì hoạt động.

- Nguồn lực: Kinh phí từ nhà trường, tài trợ, đóng góp tự nguyện của hội viên và các nguồn xã hội hóa.

Tóm lại, mô hình CLB TDTT đề xuất hướng đến sự tự chủ, năng động và bền vững, tạo môi trường rèn luyện, giao lưu lành mạnh, đồng thời góp phần nâng cao thể chất, tinh thần và kỹ năng xã hội cho SV Trường Đại học Hải Dương.

3. Thực nghiệm mô hình CLB TDTT tại Trường Đại học Hải Dương

Thực nghiệm được tiến hành nhằm kiểm chứng tính khả thi, hiệu quả và tính bền vững của mô hình CLB TDTT trong điều kiện thực tế tại Trường Đại học Hải Dương. Qua đó, đánh giá tác động của mô hình đến thói quen tập luyện, thể lực, tinh thần và mức độ hứng thú thể thao của SV. Thực nghiệm được triển khai trên 150 SV thuộc 3 khoa (Khoa Kinh tế, Khoa Sư phạm – Ngoại ngữ và Khoa Kỹ thuật – Công nghệ). Thời gian thực nghiệm: 10 tuần (từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2025). Hoạt động diễn ra theo lịch tập 2–3 buổi/tuần, kết hợp sinh hoạt ngoại khóa và thi đấu giao lưu nội bộ. Các CLB TDTT được thành lập tại Trường Đại học Hải Dương gồm: CLB Bóng đá, CLB Cầu lông và CLB Yoga, với tổng số 150 SV tham gia (mỗi CLB 50 người). Các CLB hoạt động theo mô hình đề xuất, gồm Ban chủ nhiệm, Ban chuyên môn, Nhóm phong trào và Nhóm truyền thông.

Bảng 6. Cơ cấu tổ chức và số lượng thành viên các CLB TDTT thực nghiệm

| Tên CLB | Tổng số SV | Ban chủ nhiệm | Ban chuyên môn | Nhóm phong trào | Nhóm truyền thông | Tần suất luyện tập (buổi/tuần) |
|----------|------------|---------------|----------------|-----------------|-------------------|--------------------------------|
| Bóng đá | 50 | 3 | 2 | 35 | 10 | 3 |
| Cầu lông | 50 | 3 | 2 | 37 | 8 | 3 |
| Yoga | 50 | 3 | 1 | 38 | 8 | 2 |
| Tổng | 150 | 9 | 5 | 110 | 26 | — |

Kết quả cho thấy cơ cấu tổ chức theo mô hình đề xuất vận hành ổn định; SV tham gia tích cực, duy trì được tần suất luyện tập trung bình 2–3 buổi/tuần. Các nhóm phong trào và truyền thông hoạt động hiệu quả, góp phần duy trì tính hấp dẫn của CLB.

Sau 10 tuần thực nghiệm, đa số SV duy trì tham gia thường xuyên. Mức độ hứng thú và cam kết được đánh giá qua phiếu khảo sát (trước – sau thực nghiệm). Mức độ tham gia và hứng thú của SV được trình bày tại bảng 7:

Bảng 7. Mức độ tham gia và hứng thú của SV

| Chỉ tiêu đánh giá | Trước TN | | Sau TN | | Mức tăng (%) |
|---|----------|-------|--------|-------|--------------|
| | n | % | n | % | |
| Tham gia thường xuyên (≥ 2 buổi/tuần) | 70 | 46,70 | 123 | 82,00 | +35,3 |
| Cảm thấy hứng thú, vui vẻ khi tham gia | 83 | 55,30 | 131 | 87,30 | +32,0 |
| Cảm nhận CLB hữu ích cho rèn luyện sức khỏe | 102 | 68,00 | 139 | 92,70 | +24,7 |
| Mong muốn tiếp tục tham gia CLB lâu dài | 92 | 61,30 | 132 | 88,00 | +26,7 |

Kết quả cho thấy mức độ tham gia và hứng thú của SV tăng rõ rệt. Đặc biệt, tỷ lệ SV duy trì luyện tập ≥ 2 buổi/tuần tăng từ 46,7% lên 82,0%. Sự thay đổi này phản ánh tính hấp dẫn và khả năng duy trì phong trào của mô hình CLB TDTT.

Để đánh giá tác động của mô hình CLB đến thể lực SV, nhóm nghiên cứu tiến hành các bài kiểm tra thể lực cơ bản trước và sau thực nghiệm: chạy 30m xuất phát cao, bật xa tại chỗ, gập bụng 30 giây. Hiệu quả rèn luyện thể lực được trình bày tại bảng 8:

Bảng 8. Kết quả kiểm tra thể lực SV trước và sau thực nghiệm (n = 150)

| Chỉ tiêu | Trước TN ($\bar{x} \pm \delta$) | Sau TN ($\bar{x} \pm \delta$) | Mức thay đổi | p |
|---------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------|-------|
| Chạy 30m (giây) | 5,56 \pm 0,42 | 5,21 \pm 0,38 | -0,35 | <0,05 |
| Bật xa tại chỗ (cm) | 187,3 \pm 15,4 | 197,6 \pm 13,8 | +10,3 | <0,05 |
| Gập bụng 30s (lần) | 22,5 \pm 4,8 | 27,4 \pm 4,2 | +4,9 | <0,01 |

Kết quả thống kê cho thấy sự cải thiện có ý nghĩa về mặt thể lực sau quá trình tham gia CLB. Thời gian chạy 30m giảm trung bình 0,35 giây, thành tích bật xa tăng hơn 10 cm, và số lần gập bụng tăng 4,9 lần. Điều này chứng tỏ mô hình CLB TDTT không chỉ duy trì được phong trào mà còn mang lại hiệu quả rèn luyện thể chất thực tế.

Để bổ sung đánh giá định tính, nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 10 cán bộ quản lý, giảng viên và 30 SV đại diện. Kết quả trình bày tại bảng 9:

Bảng 9. Kết quả phỏng vấn ý kiến về mô hình CLB TDTT

| Nội dung đánh giá | Sinh viên đồng ý | | Cán bộ/ giảng viên đồng ý | |
|---|------------------|------|------------------------------|------|
| | n | % | n | % |
| Mô hình dễ triển khai, phù hợp thực tiễn | 266 | 88,7 | 18 | 90,0 |
| Hoạt động CLB tạo môi trường lành mạnh, gắn kết sinh viên | 276 | 92,0 | 18 | 93,3 |
| Cần mở rộng thêm các môn thể thao khác | 230 | 76,7 | 15 | 80,0 |
| Đề nghị nhà trường hỗ trợ thêm cơ sở vật chất, kinh phí | 252 | 84,0 | 16 | 86,7 |

Kết quả thực nghiệm cho thấy mô hình CLB TDTT đề xuất có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện Trường Đại học Hải Dương và đặc điểm SV hiện nay. Những điểm nổi bật gồm:

Hiệu quả tổ chức tốt: Cơ cấu CLB vận hành ổn định, có sự phối hợp hiệu quả giữa Khoa GDTC, Đoàn Thanh niên và SV.

Tác động tích cực đến thể lực: Các chỉ số thể lực cơ bản của SV đều được cải thiện có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Hứng thú và cam kết cao: Hơn 80% SV mong muốn duy trì tham gia lâu dài.

Tính lan tỏa: Mô hình thu hút sự quan tâm của các khoa khác, nhiều SV đăng ký tham gia thử trong giai đoạn cuối thực nghiệm.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hạn chế như: cơ sở vật chất còn thiếu, thời gian luyện tập chưa đồng đều giữa các khoa, và kinh phí hoạt động chủ yếu dựa vào đóng góp tự nguyện của SV.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu khẳng định mô hình CLB TDTT theo hướng tự nguyện – tự quản – linh hoạt – bền vững là khả thi và hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, rèn luyện thể lực, thúc đẩy phong trào thể thao SV trong nhà trường.

Thực nghiệm đã chứng minh rằng mô hình CLB TDTT có thể áp dụng rộng rãi trong các trường đại học có điều kiện tương tự. Mô hình không chỉ cải thiện thể lực mà còn nâng cao kỹ năng tổ chức, tinh thần tập thể và ý thức rèn luyện của SV. Kết quả này là cơ sở quan trọng để đề xuất mở rộng và nhân rộng mô hình trong toàn trường, hướng tới xây dựng môi trường GDTC năng động và toàn diện.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về xây dựng mô hình CLB TDTT cho SV Trường Đại học Hải Dương đã cho thấy tầm quan trọng của việc phát triển các hoạt động thể thao trong môi trường đại học. Kết quả khảo sát và thực nghiệm chỉ ra rằng cơ sở vật chất, đội ngũ hướng dẫn và sự tham gia tích cực của SV là những yếu tố then chốt ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động CLB.

Mô hình CLB TDTT được đề xuất dựa trên nguyên tắc tự nguyện, tự quản, phù hợp điều kiện thực tiễn, đảm bảo tính giáo dục và bền vững. Việc áp dụng thực nghiệm mô hình cho thấy SV tăng đáng kể mức độ tham gia, hứng thú, cảm nhận lợi ích sức khỏe và mong muốn duy trì hoạt động CLB lâu dài. Ngoài ra, mô hình cũng nhận được sự đồng thuận cao từ SV, giảng viên và cán bộ quản lý về tính khả thi và phù hợp với thực tiễn.

Như vậy, mô hình CLB TDTT không chỉ góp phần nâng cao thể lực, phát triển kỹ năng xã hội, tinh thần đoàn kết và lối sống lành mạnh cho SV, mà còn tạo môi trường học tập và rèn luyện toàn diện, đáp ứng mục tiêu GDTC tại Trường Đại học Hải Dương. Việc duy trì và mở rộng các CLB TDTT được đề xuất sẽ giúp nâng cao chất lượng đào tạo, hình thành những sinh viên năng động, khỏe mạnh và có kỹ năng sống tốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (2019), *Chương trình giáo dục thể chất trong trường đại học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Văn An, Trần Thị Bình (2018), “Quản lý câu lạc bộ thể thao trong môi trường đại học”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Thể chất*, 12(3), 45–56.
- [3]. Lê Hữu Cường (2020), *Thể dục thể thao và phát triển toàn diện sinh viên*, NXB TDTT, Hà Nội.
- [4]. Phạm Minh Dũng, Nguyễn Thị Em (2017), “Hiệu quả hoạt động câu lạc bộ thể thao đối với sinh viên đại học”, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, 5(2), 23–32.
- [5]. Trần Văn Hùng. (2016), “Mô hình câu lạc bộ thể thao sinh viên tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Thể dục Thể thao Việt Nam*, 9(1), 12–19.
- [6]. Vũ Thị Giang (2019), *Xây dựng môi trường thể thao trong trường đại học hiện đại*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

Bài nộp ngày 04/12/2025, phản biện ngày 18/03/2026, duyệt in ngày 25/03/2026